

Past Perfect

The Past Perfect tense is quite an easy tense to understand and to use. This tense talks about the "past in the past".



In this lesson we look at the **structure** and **use** of the Past Perfect tense, followed by a **quiz** to check your understanding.

How do we make the Past Perfect tense?

The structure of the Past Perfect tense is:

subject	+	auxiliary <i>have</i>	+	main verb
		conjugated in Past Simple		
		had		past participle

The auxiliary verb (have) is conjugated in the Past Simple: *had*

The main verb is invariable in past participle form: *-ed (or irregular)*

For negative sentences we insert **not** between the auxiliary verb and the main verb.

For question sentences, we **exchange** the subject and the auxiliary verb.

Look at these example sentences with the Past Perfect tense:

	subject	auxiliary verb		main verb	
+	I	had		finished	my work.
+	You	had		stopped	before me.
-	She	had	not	gone	to school.
-	We	had	not	left.	
?	Had	you		arrived?	
?	Had	they		eaten	dinner?

Contraction with Past Perfect

When we use the Past Perfect in speaking, we often contract the subject and the auxiliary verb. We also sometimes do this in informal writing:

I had	I'd
you had	you'd

he had she had it had	he'd she'd it'd
we had	we'd
they had	they'd

- I'd eaten already.
- They'd gone home.

In negative sentences, we may contract the auxiliary verb and "not":

- I hadn't finished my meal.
- Anthony hadn't had a day off for months.

The 'd contraction is also used for the auxiliary verb **would**. For example, **we'd** can mean:

- We **had**, OR
- We **would**

But usually the main verb is in a different form, for example:

- We had **arrived** (past participle)
- We would **arrive** (base)

It is always clear from the context.

How do we use the Past Perfect tense?

The Past Perfect tense expresses action in the **past** *before* another action in the **past**. This is the **past in the past**. For example:

- The train left at 9am. We arrived at 9:15am. When we arrived, the train **had left**.

The train had left when we arrived.		
past	present	future
Train leaves in past at 9:00		
9:00 9:15		
We arrive in past at 9:15		

Look at some more examples:

- I wasn't hungry. I **had** just **eaten**.
- They were hungry. They **had** not **eaten** for five hours.
- I didn't know who he was. I **had** never **seen** him before.
- "Mary wasn't at home when I arrived." / "Really? Where **had** she **gone**?"

You can sometimes think of the Past Perfect tense like the Present Perfect tense, but instead of the time being **now** the time is **before**.

For example, imagine that you arrive at the station at 9:15am. The stationmaster says to you:

- "You *are* too late. The train **has left**."

Later, you tell your friends:

- "We *were* too late. The train **had left**."

We often use the Past Perfect in [reported speech](#) after verbs like: *said, told, asked, thought, wondered*

Look at these examples:

- He told us that the train **had left**.
- I thought I **had met** her before, but I was wrong.
- He explained that he **had closed** the window because of the rain.
- I wondered if I **had been** there before.
- I asked them why they **had not finished**.

Quá khứ hoàn thành

Thì Quá khứ hoàn thành là một thì khá dễ hiểu và dễ sử dụng. Thì này nói về "quá khứ trong quá khứ".

Trong bài học này, chúng ta xem xét **cấu trúc** và **cách sử dụng** thì Quá khứ hoàn thành, sau đó là một **bài kiểm tra** để kiểm tra sự hiểu biết của bạn.



Làm thế nào để chúng ta tạo ra thì Quá khứ hoàn thành?

Cấu trúc của thì Quá khứ hoàn thành là:

môn học	+	phụ trợ <i>có</i>	+	động từ chính
		liên hợp trong quá khứ đơn		
		có		quá khứ phân từ

Trợ động từ (have) được chia ở thì Quá khứ đơn: *had*

Động từ chính không thay đổi ở dạng quá khứ phân từ: *-ed (hoặc bất quy tắc)*

Đối với câu phủ định, chúng ta chèn **not** vào giữa trợ động từ và động từ chính.

Đối với câu nghi vấn, chúng ta **hoán đổi** chủ ngữ và trợ động từ.

Nhìn vào những câu ví dụ này với thì Quá khứ hoàn thành:

	môn học	trợ động từ		động từ chính	
+	Tôi	có		hoàn thành	công việc của tôi.
+	Bạn	có		dừng lại	trước tôi.
-	Cô ấy	có	không phải	Không còn	đến trường.
-	chúng tôi	có	không phải	bên trái.	
?	Có	bạn		tới nơi?	
?	Có	họ		ăn	bữa tối?

Rút gọn với Quá khứ hoàn thành

Khi chúng ta sử dụng Quá khứ hoàn thành trong văn nói, chúng ta thường rút gọn chủ ngữ và trợ động từ. Đôi khi chúng tôi cũng làm điều này bằng văn bản không chính thức:

tôi đã có	ID
bạn có	bạn muốn
anh ấy đã có cô ấy đã có nó đã có	anh ấy sẽ cô ấy nó sẽ
chúng ta đã có	Thứ Tư
họ đã có	họ muốn

- Tôi đã ăn rồi.
- Họ đã về nhà.

Trong câu phủ định, chúng ta có thể rút gọn trợ động từ và "not":

- Tôi đã không ăn xong.
- Anthony đã không có một ngày nghỉ trong nhiều tháng.

Sự rút gọn '**d**' cũng được sử dụng cho trợ động từ **would** . Ví dụ: **chúng ta** có thể có nghĩa là:

- Chúng tôi **đã có** , *HOẶC*
- chúng tôi **sẽ**

Nhưng thường thì động từ chính ở dạng khác, ví dụ:

- Chúng tôi đã **đến** (quá khứ phân từ)
- Chúng tôi sẽ **đến** (căn cứ)

Nó luôn luôn rõ ràng từ bối cảnh.

Làm thế nào để chúng ta sử dụng thì quá khứ hoàn thành?

Thì Quá khứ hoàn thành diễn tả hành động trong **quá khứ trước** một hành động khác trong **quá khứ** . Đây là **quá khứ trong quá khứ** . Ví dụ:

- Tàu khởi hành lúc 9 giờ sáng. Chúng tôi đến lúc 9:15 sáng. Khi chúng tôi đến, tàu **đã rời đi** .

Tàu đã rời đi khi chúng tôi đến.		
vừa qua	hiện nay	Tương lai
Tàu khởi hành trong quá khứ lúc 9:00		
9:00 9:15		
Chúng tôi đến quá khứ lúc 9:15		

Xem thêm một số ví dụ:

- Tôi không đói. Tôi **vừa** mới **ăn xong** .
- Họ đã đói. Họ **đã** không **ăn** trong năm giờ.
- Tôi không biết anh ta là ai. Tôi **chưa** bao giờ **nhìn thấy** anh ta trước đây.
- "Mary không có ở nhà khi tôi đến." / "Thật sao? Cô ấy **đã đi đâu** ?"

Đôi khi bạn có thể nghĩ về thì Quá khứ hoàn thành giống như thì Hiện tại hoàn thành, nhưng thay vì thời gian **hiện tại** thì thời gian là **trước đây** .

Ví dụ, hãy tưởng tượng rằng bạn đến nhà ga lúc 9:15 sáng. Trưởng ga nói với bạn:

- "Bạn *đã* quá muộn. Tàu **đã rời đi** ."

Sau đó, bạn nói với bạn bè của bạn:

- "Chúng tôi *đã* quá muộn. Tàu **đã rời đi** ."

Chúng ta thường dùng thì Quá khứ hoàn thành trong [câu tường](#) thuật sau các động từ như: *said, said, ask, think, wonder*

Hãy xem những ví dụ này:

- Anh ấy nói với chúng tôi rằng tàu **đã rời đi** .
- Tôi nghĩ rằng tôi **đã gặp** cô ấy trước đây, nhưng tôi đã sai.
- Anh ấy giải thích rằng anh ấy **đã đóng** cửa sổ vì trời mưa.
- Tôi tự hỏi nếu tôi **đã từng** ở đó trước đây.
- Tôi hỏi họ tại sao họ **chưa** hoàn **thành** .
-